

Bản án số: 116/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09/10/2019

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

- Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đông Sơ.

Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 204/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019, về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2019/QĐ - ST ngày 06/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2019/QĐ-ST ngày 23/9/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh ngày 19/8/1991.

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện S, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng B, sinh ngày 02/8/1980.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn M, xã Đ, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại: Cộng hòa Séc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày: Qua mai mối của hai gia đình, chị và anh B được tự do tìm hiểu 01 tháng thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã Đ (nay là phường Đ), thành phố L, tỉnh Hải Dương ngày 11/5/2017. Tuy nhiên vợ chồng chỉ sống cùng nhau được 3 tháng thì anh B lại tiếp tục sang lao động tại Cộng hòa Séc, nên chị đã về ở cùng với bố mẹ đẻ. Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc, sau đó vợ chồng ít liên lạc hơn. Từ khi sang Cộng Hòa Séc đến nay anh B chưa về Việt Nam lần nào. Do thời gian tìm hiểu và chung sống cùng nhau không nhiều, nên chị xác định tình cảm giữa chị và anh B không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung, tài sản chung: Chị và anh B không có con chung, không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án do chị T không cung cấp được địa chỉ của anh B tại Cộng hòa Séc, nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh tại gia đình anh B, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của anh B. Ông Nguyễn Trọng C là bố đẻ anh B và anh Nguyễn Trọng D là anh trai đều xác định hiện nay anh B đang lao động tại Cộng hòa Séc, tuy nhiên địa chỉ cụ thể của anh B như thế nào thì gia đình không nắm được. Ông C và anh D xác định, tuy không có địa chỉ nhưng anh B vẫn thường xuyên liên lạc với anh D bằng điện thoại, nên gia đình đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và sẽ thông báo lại cho anh B biết. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, anh D xác định anh đã thông tin cho anh B biết, anh B có quan điểm đồng ý ly hôn với chị T và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Về con chung, tài sản chung hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu và thời gian chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn, đến hết thời hạn xét xử mới giải quyết vụ án. Do vậy Viện kiểm sát không phát biểu đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ của anh B tại Cộng hòa Séc. Theo hướng dẫn công văn 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án 2 lần yêu cầu gia đình anh B cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được, đồng thời Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phan Thị T và anh Nguyễn Trọng B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 11/5/2017 tại UBND xã Đ

(nay là phường Đ), thành phố L ,tỉnh Hải Dương, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 3 tháng thì anh B sang Cộng Hòa Séc lao động. Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc, sau đó thưa dần và đến nay chấm dứt liên lạc. Do hai bên có thời gian tìm hiểu và chung sống cùng nhau không nhiều, nên chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn. Thông qua gia đình anh B cũng có quan điểm đồng ý ly hôn với chị T. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

- *Về con chung, tài sản chung*: Không có, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị T được ly hôn anh Nguyễn Trọng B.

2. Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0008261 ngày 16 tháng 7 năm 2019 tại chi Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Nguyễn Trọng B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Đ;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

NguyễnThị Thu Hiền

